

Số: 1187 /TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2020

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐỀ SỐ: 49128	
Ngày: 24-09-2020	
Chuyên: XNK	Căn cứ
Số và ký hiệu HS: /	Căn cứ
Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;	

THÔNG BÁO
Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của
Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

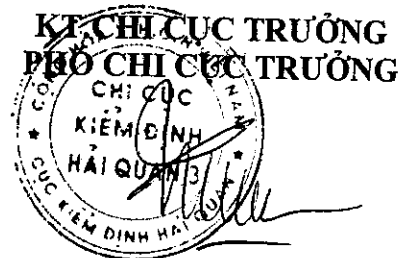
Căn cứ Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Theo phụ lục đính kèm.
2. Tờ khai hải quan: Số 103487195562/A11 ngày 20 tháng 8 năm 2020.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Vật Tư Và Kim Khí Sài Gòn.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ Cửa khẩu Cảng Sài Gòn KV 1 - Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 3564/KV1-ĐHHN ngày 24 tháng 8 năm 2020.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 985/KĐ3-NV ngày 24 tháng 8 năm 2020.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Vũ Đình Khánh.
8. **Kết quả phân tích:**
Thực hiện theo phụ lục đính kèm.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK:
Thực hiện theo phụ lục đính kèm./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3.HSPTPL.



Nguyễn Phương Nhi

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN
CHI CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN 3

Phụ lục

(Kèm theo Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa
Số 1187.../TB-KĐ3, ngày...21...tháng...9...năm 2020)

TT	Tên mẫu theo khai báo	Kết quả phân tích	Mã số phân loại theo Biểu Thuế XNK	Phân loại Trên cơ sở Thông báo KQPL của TCHQ
1	Mục 1: Thép cán nguội dạng cuộn băng, chưa phủ mạ hoặc tráng, hàng loại 2 không quy chuẩn, quy cách không đồng đều, dày 0.41-2.00mm, rộng dày 25-490mm. Hàng mới 100%.	Thép hợp kim cán phẳng, trong đó Bo là nguyên tố duy nhất quyết định yếu tố thép hợp kim (hàm lượng B > 0,0008% tính theo trọng lượng), thành phần hóa học của mẫu không phải là thép silic kỹ thuật điện, không phải là thép gió, dạng cuộn, cán nguội dạng đai và dải, chiều dày $\approx 0,66\text{mm}$, chiều rộng nhỏ hơn 400mm, không sơn, phủ, mạ hoặc tráng.	7226.92.10 (Tương ứng với mã số 9811.00.10 tại Chương 98 Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi).	Số 3431/TB-TCHQ ngày 24/05/2017
2	Mục 2: Thép mạ kẽm bằng phương pháp điện phân, được cán phẳng dạng cuộn băng, hàng loại 2 không quy chuẩn, quy cách không đồng đều, dày 1.05mm, rộng 65-97.8mm. hàng mới 100%.	Thép không hợp kim, cán phẳng, dạng đai và dải. Kích cỡ chiều dày $\approx 1\text{mm}$, có chiều rộng dưới 400mm, đã được mạ kẽm bằng phương pháp điện phân.	7212.20.10	Số 6084/TB-TCHQ ngày 30/06/2016

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

TT	Tên mẫu theo khai báo	Kết quả phân tích	Mã số phân loại theo Biểu Thuế XNK	Phân loại Trên cơ sở Thông báo KQPL của TCHQ
3	Mục 3: Thép mạ kẽm bằng phương pháp điện phân, được cán phẳng dạng cuộn băng, hàng loại 2 không quy chuẩn, quy cách không đồng đều, dày 2.00mm, rộng 80mm. hàng mới 100%.	Thép hợp kim cán phẳng, trong đó Titan là nguyên tố duy nhất quyết định yếu tố thép hợp kim (hàm lượng Ti > 0,05% tính theo trọng lượng), thành phần hóa học của mẫu không phải là thép silic kỹ thuật điện, không phải là thép gió, dạng đai và dải, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp điện phân, chiều dày ≈ 2mm, có chiều rộng dưới 400mm.	7226.99.11 (Trương ứng với mã số 9811.00.10 tại Chương 98 Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi).	Số 1756/TB-TCHQ ngày 19/03/2020
4	Mục 4: Thép mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng, được cán phẳng dạng cuộn băng, hàng loại 2 không quy chuẩn, quy cách không đồng đều, dày 0.52-1.50mm, rộng 28-96mm. hàng mới 100%.	Thép không hợp kim cán phẳng (hàm lượng C < 0,6% tính theo trọng lượng), dạng đai và dải, chiều dày ≈ 0,8mm, có chiều rộng trên 25mm nhưng không quá 400mm, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng.	7212.30.12	Số 3627/TB-TCHQ ngày 04/06/2019
5	Mục 5: Thép mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng, được cán phẳng dạng cuộn băng, hàng loại 2 không quy chuẩn, quy cách không đồng đều, dày 1.60-3.00mm, rộng 48-325.2mm. hàng mới 100%.	Thép không hợp kim cán phẳng (hàm lượng C < 0,6% tính theo trọng lượng), dạng đai và dải, chiều dày ≈ 1,7mm, có chiều rộng trên 25mm nhưng không quá 400mm, bề mặt được mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng.	7212.30.12	Số 3627/TB-TCHQ ngày 04/06/2019

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

TT	Tên mẫu theo khai báo	Kết quả phân tích	Mã số phân loại theo Biểu Thuế XNK	Phân loại Trên cơ sở Thông báo KQPL của TCHQ
6	Mục 6: Thép mạ màu, được cán phẳng dạng cuộn băng, hàng loài 2 không quy chuẩn, quy cách không đồng đều, dày 0.80mm, rộng 160-163mm. hàng mới 100%.	Thép không hợp kim, có hàm lượng C<0,6% tính theo trọng lượng, cán phẳng, dạng đai và dải, bề mặt đã được phủ sơn, chiều dày ≈ 0,8mm, có chiều rộng không quá 400mm.	7212.40.11	Số 1319/TB-TCHQ ngày 04/03/2020
7	Mục 7: Thép mạ nhôm kẽm bằng phương pháp nhúng nóng, được cán phẳng dạng cuộn băng, hàng loài 2 không quy chuẩn, quy cách không đồng đều, dày 1.00-1.70mm, rộng 45-190mm. hàng mới 100%.	Thép không hợp kim, cán phẳng, dạng đai và dải, bề mặt được mạ hợp kim nhôm kẽm bằng phương pháp nhúng nóng, chiều dày ≈ 0,8mm, chiều rộng trên 25mm nhưng không quá 400mm.	7212.50.24	Số 2151/TB-TCHQ ngày 01/04/2020
8	Mục 8: Thép cán nóng dạng cuộn băng, đã ngâm tẩy gỉ, chưa phủ mạ hoặc tráng, hàng loài 2 không quy chuẩn, quy cách không đồng đều, dày 2.50-2.77mm, rộng 123-138.2mm. Hàng mới 100%.	Thép không hợp kim (hàm lượng C < 0,6% tính theo trọng lượng), được cán phẳng, cán nóng, dạng đai và dải; không sơn, phủ, mạ hoặc tráng. Kích cỡ chiều dày ≈ 2,33mm, chiều rộng ≈ 130mm.	7211.19.13	Số 3176/TB-TCHQ ngày 07/06/2018

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Phương Nhi

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: 1188 /TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 9 năm 2020

TỔNG CỤC HẢI QUAN

ĐẾN số:.....49128.....

Ngày: 24-09-2020

Chuyên: *MLK* Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Số và ký hiệu HS: Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Mục 9: Acrylic Polymer Q7-2218_Chất hoàn tất (180 Kg/Drum). chứa Toluene mã CAS 108-88-3 (C6H5CH3/C7H8) GPNK:6798TCCN/GP-HC,20/08/2020. Đã TQ tại TK 103452333611.
2. Tờ khai hải quan: Số 103490915731/A12 ngày 24 tháng 8 năm 2020.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Noroo- Nanpao Paints & Coatings (Việt Nam).
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ Nhơn Trạch - Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 129/PTPL-HQNT-NV1 ngày 26 tháng 8 năm 2020.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 1081/KĐ3-NV ngày 14 tháng 9 năm 2020.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Nguyễn Thị Bích Tuyền
8. **Kết quả phân tích:** Nhựa Epoxy trong dung môi hữu cơ, trong đó trọng lượng dung môi nhỏ hơn 50% tính theo trọng lượng dung dịch, nguyên sinh, dạng lỏng.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 3907.30.30
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 9138/TB-TCHQ ngày 23/07/2014 của Tổng cục Hải quan)./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3.HSPTPL.



Nguyễn Xuân Cường

